

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 898 /QĐ-ĐHYD ngày 11 tháng 2 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

A. THÔNG TIN CHUNG

- | | |
|--|------------------|
| 1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt) | : Y tế công cộng |
| 2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh) | : Public Health |
| 3. Trình độ đào tạo | : Đại học |
| 4. Định hướng đào tạo | : Nghề nghiệp |
| 5. Mã ngành đào tạo | : 7720701 |
| 6. Thời gian đào tạo | : 4 năm |
| 7. Loại hình đào tạo | : Chính quy |

B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Y tế công cộng có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở, y tế công cộng để tham gia phát hiện và tổ chức giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

• Kiến thức

PO.01. Có kiến thức chung trong toàn Đại học Huế về Giáo dục chính trị, an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

PO.02. Có kiến thức nền tảng của khối kiến thức giáo dục Chuyên nghiệp về khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho Y tế công cộng.

PO.03. Có kiến thức nền tảng và nâng cao của nhóm kiến thức ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực Y tế công cộng để có thể phát hiện và xử trí các vấn đề sức khỏe phổ biến ở cộng đồng, các yếu tố quyết định sức khỏe, phòng bệnh nâng cao sức khỏe nhân dân.

• Kỹ năng

PO.04. Có kỹ năng lập kế hoạch để giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.

PO.05. Có kỹ năng nghiên cứu khoa học và học tập suốt đời.

PO.06. Đánh giá sức khỏe cộng đồng và các yếu tố ảnh hưởng.

PO.07. Giám sát, phát hiện sớm bệnh dịch và tổ chức phòng chống dịch tại cộng đồng.

• Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO.08. Có năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định Pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của cộng đồng về các nhu cầu sức khỏe và các giải pháp can thiệp nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng.

PO.09. Có năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp, trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

PO.10. Có năng lực tự chủ và trách nhiệm với xã hội, tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
1.1	Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế	
PLO1	Đạt yêu cầu chung trong toàn Đại học Huế về giáo dục chính trị, an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.	III
PI1.1	Kiến thức về giáo dục chính trị: Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lenin, Kinh tế chính trị Mác-Lenin chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống và nghề nghiệp.	
PI1.2	Kiến thức về Quốc phòng – An ninh: có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; vận dụng được các kiến thức quốc phòng-an ninh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	
PI1.3	Kiến thức về giáo dục thể chất: Có chứng chỉ Giáo dục thể chất, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.	
PI1.4	Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế.	
PI1.5	Kiến thức về Công nghệ thông tin: Đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.	
1.2	Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo	
PLO2	Áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, nghiên cứu khoa học làm nền tảng cho y tế công cộng.	III
PI2.1	Vận dụng kiến thức về thống kê, tin học ứng dụng trong thực hành y tế công cộng.	
PI2.2	Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản trong thực hành y tế công cộng.	

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PI2.3	Vận dụng kiến thức về y học cơ sở trong thực hành y tế công cộng.	
PI2.4	Vận dụng kiến thức về các bệnh thông thường trong thực hành y tế công cộng.	
PI2.5	Vận dụng kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học trong thực hành y tế công cộng.	
1.3	Kiến thức chung cho nhóm ngành	
PLO3	Áp dụng được các khái niệm, nguyên lý cơ bản về y tế công cộng và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe để lập kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe nổi bật tại cộng đồng	III
PI3.1	Phân tích được các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.	
PI3.2	Phân tích được những khái niệm, nguyên tắc cơ bản về y tế công cộng và vai trò của y tế công cộng trong việc nâng cao sức khỏe cộng đồng.	
PI3.3	Phân tích được các nguyên lý chăm sóc sức khỏe ban đầu trong xác định và lập kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng.	
PI3.4	Phân tích phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, nâng cao sức khỏe.	
1.4	Kiến thức ngành/chuyên ngành và bổ trợ	
PLO4	Áp dụng được các phương pháp giám sát, phát hiện, xử trí và nâng cao các vấn đề sức khỏe cộng đồng	III
PI4.1	Phân tích được cách phát hiện và đề xuất các giải pháp đối với các vấn đề sức khỏe phổ biến ở cộng đồng.	
PI4.2	Vận dụng được các phương pháp giám sát các vấn đề sức khỏe phổ biến ở cộng đồng.	
PI4.3	Thực hiện được các phương pháp xử trí các vấn đề sức khỏe phổ biến và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.	
1.5	Kiến thức thực tập và tốt nghiệp/Luận văn	
PLO5	Áp dụng được các nguyên tắc về tổ chức và quản lý hệ thống y tế, các chính sách và pháp luật về bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	III

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PI5.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về tổ chức và quản lý hệ thống y tế như đặc điểm, cấu trúc tổ chức, chức năng, các thành phần cơ bản của hệ thống y tế và mối liên quan giữa hệ thống y tế và các ngành khác.	
PI5.2	Phân tích được chính sách, pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân.	
2.	Kỹ năng	
2.1	Kỹ năng lập luận tư duy, tư duy hệ thống và giải quyết vấn đề	
PLO6	Phân tích và vận dụng khả năng lập kế hoạch, đề xuất những giải pháp và tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát các hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cộng đồng thông qua các chương trình, dự án y tế công cộng.	IV
PI6.1	Thực hiện được kỹ năng lập kế hoạch cho một số hoạt động cụ thể thuộc các chương trình, dự án y tế công cộng.	
PI6.2	Thực hiện được kỹ năng lập kế hoạch, đề xuất những giải pháp và tổ chức các hoạt động bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.	
PI6.3	Theo dõi, giám sát và đánh giá được việc thực hiện các chương trình sức khỏe tại cộng đồng.	
2.2	Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức	
PLO7	Thực hiện được một số nghiên cứu khoa học cơ bản và sử dụng được các công bố khoa học trong thực hành y tế công cộng.	IV
PI7.1	Vận dụng khả năng tư duy một cách khoa học, hiểu và thực hiện các nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực y tế công cộng.	
PI7.2	Vận dụng khả năng diễn giải các thông tin từ bảng dữ liệu khoa học và biết cách phân tích, thiết kế các nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên môn.	
PI7.3	Áp dụng các phương pháp nghiên cứu dịch tễ học, kinh tế học, nhân học, xã hội học để xác định các vấn đề sức khỏe, yếu tố nguy cơ của những vấn đề sức khỏe phổ biến của cộng đồng.	
PI7.4	Cập nhật kiến thức nghề nghiệp liên tục thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học.	

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PLO8	Thực hiện được quy trình đánh giá các vấn đề sức khỏe cộng đồng.	IV
PI8.1	Phân tích nguồn thông tin để xác định các vấn đề sức khỏe cộng đồng.	
PI8.2	Viết được báo cáo đánh giá các vấn đề sức khỏe cộng đồng.	
2.3	Kỹ năng nghề nghiệp	
PLO9	Đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.	IV
PI9.1	Phân tích được các mô hình lý thuyết trong việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.	
PI9.2	Xác định và thu thập các nguồn thông tin phục vụ cho việc phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe thường gặp ở cộng đồng.	
PI9.3	Ứng dụng kết quả đánh giá để xây dựng các khuyến nghị chính sách hoặc chương trình can thiệp phù hợp.	
PLO10	Thể hiện được các kỹ năng cơ bản về làm việc cộng tác trong thực hành y tế công cộng	IV
PI10.1	Phân tích được vai trò và lợi ích của cộng tác liên ngành trong giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng.	
PI10.2	Hợp tác hiệu quả với các thành viên đến từ chuyên ngành khác trong bối cảnh liên ngành để giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng.	
3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
3.1	Tự chủ và trách nhiệm cá nhân	
PLO11	Tuân thủ các quy định của pháp luật, các chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp trong công tác nghiên cứu khoa học, truyền thông giáo dục sức khỏe và chăm sóc sức khỏe cộng đồng	III
PI11.1	Phân tích được các quy định pháp luật liên quan đến công tác nghiên cứu khoa học, truyền thông giáo dục sức khỏe và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	
PI11.2	Phân tích được các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong các hoạt động chuyên môn y tế công cộng.	

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
3.2	Tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp	
PLO12	Tích hợp năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu khoa học và thực hành chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.	IV
PI12.1	Phân tích được vai trò của năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	
PI12.2	Đưa ra các quyết định phù hợp trong các tình huống thực tế ở cộng đồng, đồng thời chịu trách nhiệm về kết quả của các quyết định đó trong thực hành chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.	
3.3	Tự chủ và trách nhiệm với xã hội	
PLO13	Thể hiện được một số phẩm chất cơ bản về tính chuyên nghiệp trong thực hành y tế công cộng.	IV
PI13.1	Phân tích được các phẩm chất cơ bản của tính chuyên nghiệp trong thực hành y tế công cộng.	
PI13.2	Tuân thủ quy trình chuyên môn, quy tắc ứng xử và văn hóa tổ chức trong thực hành y tế công cộng.	
PI13.3	Thể hiện tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ được giao và hoàn thành đúng thời hạn.	

Ghi chú: Trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mức độ đối với nhóm thang đo kiến thức (Bloom, 2001)	Mô tả
I	Nhớ	Có khả năng tìm kiếm và nhớ
II	Hiểu	Có hiểu biết/có thể tham gia
III	Vận dụng	Có khả năng vận dụng
IV	Phân tích	Có khả năng phân tích
V	Đánh giá	Có khả năng đánh giá
VI	Sáng tạo	Có khả năng sử dụng thông tin để sáng tạo cái mới

3. Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào)

3.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức)

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

3.2. Đối tượng dự tuyển quy định phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế.

Căn cứ Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

Căn cứ Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

5. Cấu trúc của chương trình đào tạo

Stt	Mã HP	Nội dung chương trình	ĐVTC	Phân bố	
				LT	TH
I		Kiến thức giáo dục đại cương	32	29	3
		1.1. Các môn chung:	22	22	0
1	101.DHY.1.00.2	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học và khung năng lực số cho người học	2	2	0
2	101.DHF.1.00.07	NNCB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên	7	7	0
3	101.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
4	101.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
5	101.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
6	101.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
7	101.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
8	701.DHF.1.02.2	Tiếng Anh chuyên ngành	2	2	0
		1.2. Các môn cơ sở khối ngành:	10	7	3
9	701.KCB.2.01.3	Công nghệ thông tin và Xác suất - Thống kê y học	3	2	1
10	701.KCB.2.02.3	Hóa học và Vật lý - Lý sinh	3	2	1
11	701.KCB.2.04.2	Sinh học tế bào và Di truyền	2	1	1
12	701.YCC.2.01.2	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	0
II		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	105	58	47
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành:	21	12	9
13	701.GPH.3.01.3	Giải phẫu	3	2	1
14	701.SLY.3.01.2	Sinh lý	2	1	1
15	701.SLB.3.01.2	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	1	1
16	701.SHY.3.01.2	Hóa sinh	2	1	1
17	701.VSY.3.01.2	Vi sinh Y học	2	1	1

Stt	Mã HP	Nội dung chương trình	ĐVTC	Phân bố	
				LT	TH
18	701.KST.3.01.2	Ký sinh trùng	2	1	1
19	701.NOI.3.01.3	Các bệnh thông thường 1	3	2	1
20	701.NOI.3.02.3	Các bệnh thông thường 2	3	2	1
21	701.YCC.3.02.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
		2.2. Kiến thức ngành:	65	36	29
22	701.YCC.4.04.4	Dân số - Sức khỏe sinh sản	4	2	2
23	701.YCC.4.04.2	Y học thảm họa	2	2	0
24	701.YCC.4.05.2	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2	2	0
25	701.YCC.4.06.2	Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản	2	2	0
26	701.YCC.4.07.3	Quản lý dịch vụ y tế	3	2	1
27	701.YCC.4.08.3	Kế hoạch y tế	3	2	1
28	701.YCC.4.09.2	Quản lý tài chính và kinh tế y tế	2	2	0
29	701.YCC.4.10.2	Chính sách y tế	2	2	0
30	701.YCC.4.11.2	Dịch tễ học cơ bản	2	1	1
31	701.YCC.4.12.2	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế	2	1	1
32	701.YCC.4.13.4	Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp	4	2	2
33	701.YCC.4.14.3	Nâng cao sức khỏe	3	2	1
34	701.YCC.4.15.4	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	4	2	2
35	701.PHC.4.16.2	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	1
36	701.YCC.4.18.2	Nghiên cứu định tính	2	1	1
37	701.YCC.4.19.2	Thiết kế đánh giá chương trình y tế	2	1	1
38	701.YCC.4.20.3	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	3	2	1
39	701.YCC.4.21.2	Quản lý nguy cơ Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp	2	1	1
40	701.YCC.4.22.3	Kiểm soát bệnh không truyền nhiễm và bệnh truyền nhiễm	3	2	1
41	701.YCC.4.23.3	Phân tích số liệu bằng các phần mềm thống kê chuyên dụng	3	1	2
42	701.YCC.4.24.3	Thống kê y tế	3	2	1
43	701.YCC.4.25.4	Thực tập cộng đồng 1	4	0	4
44	701.YCC.4.26.4	Thực tập cộng đồng 2	4	0	4
45	701.YGD.4.01.2	Giáo dục liên ngành	2	1	1
		2.3. Kiến thức tự chọn: SV chọn 1 trong 2 định hướng chuyên ngành (12/24 tín chỉ, 4/8 học phần)	12	8	4
46	701.YCC.5.27.3	Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm	3	2	1
47	701.YCC.5.28.3	Đánh giá chương trình Nâng cao sức khỏe	3	2	1
48	701.YCC.4.29.3	Nhân học và Xã hội học Sức khỏe	3	2	1
49	701.YCC.5.30.3	Sức khỏe trường học	3	2	1
50	701.YCC.5.31.3	Quản lý dự án	3	2	1

Stt	Mã HP	Nội dung chương trình	ĐVTC	Phân bố	
				LT	TH
51	701.YCC.5.32.3	Điều tra một vụ dịch	3	2	1
52	701.YCC.5.33.3	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe nhân dân	3	2	1
53	701.YCC.5.34.3	Quản lý nguy cơ an toàn thực phẩm	3	2	1
		2.4. Dự án học thuật và tốt nghiệp	7	2	5
		2.4.1. Dự án học thuật	3	0	3
54	701.YCC.4.35.3	Đề tài khoa học/ khóa luận	3	0	3
		2.4.2. Tốt nghiệp	4	2	2
55	701.YCC.4.36.2	Lý thuyết tốt nghiệp	2	2	0
56	701.YCC.4.37.2	Thực hành tốt nghiệp	2	0	2
TỔNG CỘNG			137	87	50
III		Các học phần thay thế			
1	701.YCC.5.38.3	Sức khỏe tình dục	3	2	1
2	701.YCC.5.39.3	Phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch dinh dưỡng và thực phẩm	3	2	1

Ghi chú: Trong tổng số 137 tín chỉ có 07 tín chỉ Ngoại ngữ không chuyên và 02 tín chỉ Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục Y học và khung năng lực số cho người học không tính điểm xếp loại trung bình chung học tập.

6. Cách thức đánh giá

Căn cứ Phụ lục 1 Quy định kiểm tra, đánh giá học phần ban hành kèm theo Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

7. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra

[illegible]

4	101.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X											X	X
5	101.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X											X	X
6	101.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X											X	X
7	101.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X											X	X
8	701.DHF.1.02.2	Tiếng Anh chuyên ngành	X											X	X
9	701.KCB.2.01.3	Công nghệ thông tin và Xác suất - Thống kê y học		X	X									X	
10	701.KCB.2.02.3	Hóa học và Vật lý - Lý sinh	X						X					X	X
11	701.KCB.2.04.2	Sinh học tế bào và Di truyền		X										X	X
12	701.YCC.2.01.2	Tâm lý y học - Đạo đức y học		X	X						X		X	X	X

13	701.GPH.3.01.3	Giải phẫu		X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X
14	701.SLY.3.01.2	Sinh lý		x	x				x	x					x
15	701.SLB.3.01.2	Sinh lý bệnh - miễn dịch		X	X	X								X	X
16	701.SHY.3.01.2	Hóa sinh		x	x										x
17	701.VSY.3.01.2	Vì sinh Y học		x							x			x	x
18	701.KST.3.01.2	Ký sinh trùng		x											x
19	701.NOI.3.01.3	Các bệnh thông thường 1			X	X		X		X				X	
20	701.NOI.3.02.3	Các bệnh thông thường 2			X	X		X		X					
21	701.YCC.3.02.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học			x	x							x	x	
22	701.YCC.4.04.4	Dân số - Sức khỏe sinh sản		X	X			X					X	X	X
23	701.YCC.4.04.2	Y học thảm họa		X	X	X		X	X		X		X	X	X
24	701.YCC.4.05.2	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế			x	x		x		x			x		

25	701.YCC.4.06.2	Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản			x										
26	701.YCC.4.07.3	Quản lý dịch vụ y tế					x								
27	701.YCC.4.08.3	Kế hoạch y tế			x		x	x							
28	701.YCC.4.09.2	Quản lý tài chính và kinh tế y tế					x								
29	701.YCC.4.10.2	Chính sách y tế			x										
30	701.YCC.4.11.2	Dịch tễ học cơ bản		x		x			x	x			x	x	
31	701.YCC.4.12.2	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế			x				x	x					
32	701.YCC.4.13.4	Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp		x	x	x		x	x		x		x	x	x
33	701.YCC.4.14.3	Nâng cao sức khỏe			x	x		x		x	x	x	x		
34	701.YCC.4.15.4	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm		x	x			x				x	x	x	

35	701. PHC.4.16.2	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng													
36	701.YCC.4.18.2	Nghiên cứu định tính		X	X	X	X		X	X	X		X	X	X
37	701.YCC.4.19.2	Thiết kế đánh giá chương trình y tế			x			x	x	x	x	x			
38	701.YCC.4.20.3	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội			X	X		X	X		X		X		
39	701.YCC.4.21.2	Quản lý nguy cơ Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp		X	X	X		X	X	X	X		X	X	X
40	701.YCC.4.22.3	Kiểm soát bệnh không truyền nhiễm và bệnh truyền nhiễm			X				X				X		
41	701.YCC.4.23.3	Phân tích số liệu bằng các phần mềm thống kê chuyên dụng		X	X	X	X	X			X		X	X	X

42	701.YCC.4.24.3	Thống kê y tế		X	X	X	X	X			X		X	X	X
43	701.YCC.4.25.4	Thực tập cộng đồng 1													
44	701.YCC.4.26.4	Thực tập cộng đồng 2													
45	701.YGD.4.01.2	Giáo dục liên ngành		X	X								X	X	
46	701.YCC.5.27.3	Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm		X	X		X						X	X	
47	701.YCC.5.28.3	Đánh giá chương trình Nâng cao sức khỏe			X			X	X	X	X	X	X		
48	701.YCC.4.29.3	Nhân học và Xã hội học Sức khỏe		X	X	X							X	X	X
49	701.YCC.5.30.3	Sức khỏe trường học		X	X	X		X	X		X		X	X	X
50	701.YCC.5.31.3	Quản lý dự án		X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
51	701.YCC.5.32.3	Điều tra một vụ dịch				X			X					X	X
52	701.YCC.5.33.3	Chương trình mục tiêu quốc gia	X	X		X	X			X	X	X	X		X

		về chăm sóc sức khỏe nhân dân													
53	701.YCC.5.34.3	Quản lý nguy cơ an toàn thực phẩm			X	X	X				X	X	X		
54	701.YCC.4.35.3	Đề tài khoa học/ khóa luận													
55	701.YCC.4.36.2	Lý thuyết tốt nghiệp													
56	701.YCC.4.37.2	Thực hành tốt nghiệp													
57	701.YCC.5.38.3	Sức khỏe tình dục		X	X				X				X	X	X
58	701.YCC.5.39.3	Phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch dinh dưỡng và thực phẩm			X				X	X	X	X		X	X

8. Kế hoạch đào tạo

St t	Mã HP	Nội dung chương trình	TST C	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
---------	-------	-----------------------	----------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------

1	101.DHY.1.00 .2	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học và khung năng lực số cho người học	2									
2	101.DHF.1.00. 07	NNCB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên	7									
3	101.LLCT.1.0 1.3	Triết học Mác - Lênin	3	X								
10	701.KCB.2.02. 3	Hóa học và Vật lý - Lý sinh	3	X								
11	701.KCB.2.04. 2	Sinh học tế bào và Di truyền	2	X								
13	701.GPH.3.01. 3	Giải phẫu	3	X								
22	701.YCC.4.04. 4	Dân số - Sức khỏe sinh sản	4	X								
4	101.LLCT.1.0 2.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		X							
5	101.LLCT.1.0 3.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		X							
9	701.KCB.2.01. 3	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng – Thống kê y học	3		X							

12	701.YCC.2.01.2	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2		X						
14	701.SLY.3.01.2	Sinh lý	2		X						
17	701.VSY.3.01.2	Vi sinh Y học	2		X						
18	701.KST.3.01.2	Ký sinh trùng	2		X						
7	101.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			X					
15	701.SLB.3.01.2	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2			X					
16	701.SHY.3.01.2	Hóa sinh	2			X					
30	701.YCC.4.11.2	Dịch tễ học cơ bản	2			X					
36	701.YCC.4.18.2	Nghiên cứu định tính	2			X					
33	701.YCC.4.14.3	Nâng cao sức khỏe	3			X					
24	701.YCC.4.05.2	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2			X					
26	701.YCC.4.07.3	Quản lý dịch vụ y tế	3			X					
6	101.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				X				

8	701.DHF.1.02. 2	Tiếng Anh chuyên ngành	2				X				
19	701.NOI.3.01. 3	Các bệnh thông thường 1	3				X				
31	701.YCC.4.12. 2	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế	2				X				
43	701.YCC.4.25. 4	Thực tập cộng đồng 1	4				X				
32	701.YCC.4.13. 4	Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp	4				X				
20	701.NOI.3.02. 3	Các bệnh thông thường 2	3					X			
21	701.YCC.3.02. 2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2					X			
27	701.YCC.4.08. 3	Kế hoạch y tế	3					X			
28	701.YCC.4.09. 2	Quản lý tài chính và kinh tế y tế	2					X			
29	701.YCC.4.10. 2	Chính sách y tế	2					X			
34	701.YCC.4.15. 4	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	4					X			
23	701.YCC.4.04. 2	Y học thảm họa	2						X		
25	701.YCC.4.06. 2	Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản	2						X		

37	701.YCC.4.19. 2	Thiết kế đánh giá chương trình y tế	2						X		
41	701.YCC.4.23. 3	Phân tích số liệu bằng các phần mềm thống kê chuyên dụng	3						X		
42	701.YCC.4.24. 3	Thống kê y tế	3						X		
44	701.YCC.4.26. 4	Thực tập cộng đồng 2	4						X		
45	701.YGD.4.01 .2	Giáo dục liên ngành	2						X		
35	701.PHC.4.16. 2	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2							X	
38	701.YCC.4.20. 3	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	3							X	
39	701.YCC.4.21. 2	Quản lý nguy cơ Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp	2							X	
40	701.YCC.4.22. 3	Kiểm soát bệnh không truyền nhiễm và bệnh truyền nhiễm	3							X	
46	701.YCC.5.27. 3	Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm	3							X	
47	701.YCC.5.28. 3	Đánh giá chương trình Nâng cao sức khỏe	3							X	
50	701.YCC.5.31. 3	Quản lý dự án	3							X	
51	701.YCC.5.32. 3	Điều tra một vụ dịch	3							X	

48	701.YCC.4.29. 3	Nhân học và Xã hội học Sức khỏe	3								X
49	701.YCC.5.30. 3	Sức khỏe trường học	3								X
52	701.YCC.5.33. 3	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe nhân dân	3								X
53	701.YCC.5.34. 3	Quản lý nguy cơ an toàn thực phẩm	3								X
54	701.YCC.4.35. 3	Đề tài khoa học/ khóa luận	3								X
55	701.YCC.4.36. 2	Lý thuyết tốt nghiệp	2								X
56	701.YCC.4.37. 2	Thực hành tốt nghiệp	2								X
TỔNG CỘNG			128								

9. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo

STT	HỌ VÀ TÊN	BỘ MÔN
1	Nguyễn Thị Hồng Thuý	BM Hóa sinh
2	Phạm Thăng Long	BM Hóa sinh
3	Nguyễn Minh Quang	BM Hóa sinh
4	Hoàng Thị Thu Hương	BM Hóa sinh
5	Phù Thị Hoa	BM Hóa sinh
6	Phan Thị Minh Tâm	BM Hóa sinh
7	Trần Thị Tiên Xinh	BM Hóa sinh
8	Ngô Thị Minh Châu	BM KST
9	Lê Chí Cao	BM KST
10	Tôn Nữ Phương Anh	BM KST
11	Lê Viết Nhật Hưng	BM Mắt
12	Phan Văn Năm	BM Mắt
13	Đỗ Long	BM Mắt
14	Trần Nguyễn Trà My	BM Mắt
15	Lê Đăng Võ	BM MDSL B
16	Nguyễn Thị Huyền	BM MDSL B
17	Lê Bá Hứa	BM MDSL B
18	Phan Thị Minh Phương	BM MDSL B
19	Phan Thị Hằng Giang	BM MDSL B
20	Trần Thanh Loan	BM MDSL B
21	Phan Ngọc Đan Thanh	BM MDSL B
22	Hoàng Anh Tiến	BM Nội
23	Nguyễn Anh Vũ	BM Nội
24	Lê Thị Bích Thuận	BM Nội
25	Hoàng Viết Thắng	BM Nội
26	Hoàng Khánh	BM Nội
27	Nguyễn Hải Thủy	BM Nội
28	Văn Thị Minh An	BM Nội
29	Huỳnh Văn Minh	BM Nội
30	Võ Tam	BM Nội
31	Trần Văn Huy	BM Nội
32	Lê Văn Chi	BM Nội
33	Hoàng Bùi Bảo	BM Nội
34	Nguyễn Đình Toàn	BM Nội
35	Trương Xuân Long	BM Nội
36	Nguyễn Duy Duẩn	BM Nội
37	Phạm Minh Trãi	BM Nội
38	Lê Phước Hoàng	BM Nội
39	Đoàn Phạm Phước Long	BM Nội
40	Nguyễn Xuân Nhân	BM Nội
41	Hồ Ngọc Tiến Đạt	BM Nội

42	Trần Duy Khiêm	BM Nội
43	Lê Thanh Minh Triết	BM Nội
44	Nguyễn Hoàng Thanh Vân	BM Nội
45	Nguyễn Phan Hồng Ngọc	BM Nội
46	Đoàn Thị Thiện Hào	BM Nội
47	Trần Đình Bình	BM Vi sinh
48	Lê Văn An	BM Vi sinh
49	Ngô Viết Quỳnh Trâm	BM Vi sinh
50	Lê Thị Bảo Chi	BM Vi sinh
51	Nguyễn Thị Châu Anh	BM Vi sinh
52	Nguyễn Thị Khánh Linh	BM Vi sinh
53	Hồ Anh Hiến	BM Y học gia đình
54	Nguyễn Thị Thanh Huyền	BM Y học gia đình
55	Võ Đức Toàn	BM YHGD
56	Trần Nam Đông	Bộ môn GPB-PY
57	Trần Thuý Hiền	Khoa Cơ Bản
58	Nguyễn Minh Hoa	Khoa Cơ Bản
59	Đặng Thị Ngọc Hoa	Khoa Cơ Bản
60	Đỗ Quang Tâm	Khoa Cơ Bản
61	Hoàng Thanh Hải	Khoa Cơ Bản
62	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ Bản
63	Huỳnh Minh Sơn	Khoa Cơ Bản
64	Nguyễn Vĩnh Phú	Khoa Cơ Bản
65	Võ Thị Tuyết Vi	Khoa Cơ Bản
66	Ngô Thị Thuận	Khoa Cơ Bản
67	Nguyễn Thị Hồng Nga	Khoa Cơ Bản
68	Đặng Thị Anh Thư	Khoa YTCC
69	Hoàng Thị Bạch Yến	Khoa YTCC
70	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	Khoa YTCC
71	Nguyễn Văn Hùng	Khoa YTCC
72	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Khoa YTCC
73	Nguyễn Thị Hường	Khoa YTCC
74	Trần Thị Thanh Nhân	Khoa YTCC
75	Nguyễn Minh Tâm	Khoa YTCC
76	Ngô Viết Lộc	Khoa YTCC
77	Đoàn Vương Diễm Khánh	Khoa YTCC
78	Trần Bình Thắng	Khoa YTCC
79	Võ Nữ Hồng Đức	Khoa YTCC
80	Nguyễn Thị Đăng Thư	Khoa YTCC
81	Lê Thị Bích Thúy	Khoa YTCC
82	Trần Văn Vui	Khoa YTCC
83	Đặng Cao Khoa	Khoa YTCC
84	Lê Đình Dương	Khoa YTCC
85	Lương Thanh Bảo Yến	Khoa YTCC

86	Trần Đại Tri Hân	Khoa YTCC
87	Hoàng Đình Tuyên	Khoa YTCC
88	Nguyễn Thị Nga	Khoa YTCC
89	Trần Thị Mai Liên	Khoa YTCC
90	Trần Xuân Minh Trí	Khoa YTCC
91	Võ Minh Hoàng	Khoa YTCC
92	Nguyễn Thanh Gia	Khoa YTCC
93	Nguyễn Đình Minh Mẫn	Khoa YTCC
94	Ngô Thị Diệu Hương	Khoa YTCC
95	Bùi Thị Phương Anh	Khoa YTCC
96	Trần Thị Táo	Khoa YTCC